

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN THI

Năm Học : 2009 - 2010

Lớp Học : 323KT1

Học Kỳ : 2

Môn Học : Kế toán tài chính (F2)

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	324200000	Trương Thị Chiên	4						6						3	5		5.3	4.2	5.2		
2	324200001	Bùi Thị Kiều	6						7						2	6		6.7	4.4	6.4		
3	324200000	Vũ Tiến	4						6						1	5		5.3	3.2	5.2		
4	324200000	Võ Ngọc	6						5						2	5		5.3	3.7	5.2		
5	324200001	Phạm Thị Ngọc	0						4						0	0		2.7	1.4	1.4		
6	324200001	Nguyễn Thị Bích	1						7						3	5		5.0	4.0	5.0		
7	324200001	Đào Thị Thùy	3						6						1	0		5.0	3.0	2.5		
8	324200002	Ngô Phan Đức	4						6						2	5		5.3	3.7	5.2		Học lại
9	324201009	Hoàng Thị	3						7						2	5		5.7	3.9	5.4		
10	324200002	Đỗ Thị Hoàng	7						4						2	6		5.0	3.5	5.5		
11	324200002	Sầm Vòng	5						7						3	5		6.3	4.7	5.7		
12	324200005	Nguyễn Thị	6						7						3	5		6.7	4.9	5.9		
13	324200003	Nguyễn Thị Tuyết	4						6						1	1		5.3	3.2	3.2		
14	324200003	Nguyễn Nhật	5						6						2	0		5.7	3.9	2.9		
15	324200003	Đào Thị Bích	7						6						3	5		6.3	4.7	5.7		
16	324200004	Vũ Thị	5						6						2	5		5.7	3.9	5.4		
17	324200004	Hàng Thanh	5						7						2	0		6.3	4.2	3.2		
18	324200004	Lê Nguyễn Huyền	5						5						2	5		5.0	3.5	5.0		
19	324200004	Nguyễn Thị Tuyết	3						6						3	5		5.0	4.0	5.0		

20	324200005	Nguyễn Thị Tường Vi	5						6						2	5		5.7	3.9	5.4		
----	-----------	---------------------	---	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--	--	---	---	--	-----	-----	-----	--	--

Tổng số: 20 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.00
Giỏi	0	0.00
Khá	0	0.00

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	14	70.00
Không đạt	5	25.00
Miễn thi	0.00	0.00

Giáo viên bộ môn

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	1	5.00

Tp. HCM, ngày tháng năm

Giáo Vụ Khoa